

Bản án số: 40/2024/ HNGĐ- ST

Ngày 14/9/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Bà Vũ Thị Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Mai Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 247/2024/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Bị đơn: Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Khu dân cư M, phường C, thành phố C, tỉnh H.

- Người làm chứng:

1. Bà Trương Thị L, sinh năm 1952

2. Bà Trương Thị N, sinh năm 1957

Chị H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); anh Q vắng mặt không có lý do; bà L, bà N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Vũ Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn ngày 17/11/2008 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh H. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại M, C, C, H. Sống được hơn 1 năm vợ chồng xây nhà ở trên đất của bố mẹ đẻ chị. Ban đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận. Đến năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung, hơn nữa anh chị cũng muộn đường con cái, không có tình cảm và hơn nữa là mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau về cứ nói chuyện là cãi nhau. Hơn nữa anh chị bất hòa cả trong việc nuôi dạy con cái và kinh tế gia đình. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng tuy vẫn sống cùng nhà nhưng không quan tâm nhau nữa. Đến nay chị nhận thấy giữa chị và anh Q mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa nên đề nghị Tòa án thành phố Chí Linh giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Theo anh Q: Vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát. Anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh mặc kệ chị H muốn giải quyết thế nào thì giải quyết anh không quan tâm. Anh sẽ không đến Tòa án làm việc và anh cũng đề nghị Tòa án không triệu tập anh.

Về con chung: Chị H và anh Q có 02 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 hiện tại đang ở cùng chị H và anh Q. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018. Chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Hiện tại cháu A và cháu M khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị H vẫn nuôi dạy các cháu và cũng được sự hỗ trợ giúp đỡ của mẹ đẻ chị H. Chị H làm tại trường mầm non C, địa chỉ: phường C, thành phố C, tỉnh H, thu nhập hàng tháng đủ điều kiện nuôi con. Anh chị đều có thời gian, điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ: Chị H và anh Q đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Bà Trương Thị N - mẹ đẻ chị H trình bày và xác nhận: Chị H và anh Q kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh H, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Đến năm 2011 vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, hay cãi cọ nhau. Nay chị H xin ly hôn anh Q quan điểm của bà là không mong muốn vợ chồng anh chị phải ly hôn, nhưng do mâu thuẫn của anh chị rất nhiều và cũng lâu rồi nên đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết theo nguyện vọng của chị H; Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 hiện tại đang ở cùng chị H

và anh Q. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018. Chị H không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị. Nếu anh chị ly hôn chị H được nuôi dưỡng cháu nào thì bà cũng nhất trí ủng hộ. Bà có nhiều thời gian rảnh rỗi để hỗ trợ chị H chăm lo con. Hơn nữa bà có nhà ở rộng rãi thoáng mát, có điều kiện nơi ăn chốn ở cho mẹ con chị H. Trường học cũng gần nhà nên rất thuận lợi cho việc đi học của các cháu; Về tài sản chung: Chị H và anh Q không có tài sản gì chung.

Bà Trương Thị L - mẹ đẻ anh Q trình bày: Chị H và anh Q có đăng ký kết hôn với nhau năm 2008 tại có đăng ký kết hôn năm 2008 tại UBND xã C, huyện C (nay là phường C, thành phố C), tỉnh H, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Quá trình chung sống ban đầu hòa thuận bình thường. Do anh chị không ở gần bà nên mâu thuẫn của anh chị bà cũng không nắm hết được chỉ biết là do kinh tế. Chị H cũng có nói qua với bà là vợ chồng ly hôn. Bà có khuyên bà chị H là cố gắng nhẫn nhịn vì các con, thì chị H không nói gì. Nay chị H xin ly hôn anh Q quan điểm của bà là không mong muốn vợ chồng anh chị phải ly hôn, vì hai con chung của anh chị. Về con chung: Vợ chồng anh chị có hai con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 hiện tại đang ở cùng chị H và anh Q. Nếu anh chị phải ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Về tài sản chung: Bà không nắm được.

Biên bản xác minh với ông Trần Thanh Nh - trưởng khu dân cư M, phường C, thành phố C: Chị H và anh Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường C, thành phố C. Chị H và anh Q có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại khu dân cư M, phường C, thành phố C. Mâu thuẫn của anh chị như thế nào địa phương không nắm được. Về con chung và tài sản chung của anh chị đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của anh chị và căn cứ pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H và anh Q đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Vũ Văn Q; về

con chung: anh chị có 02 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 hiện tại đang ở cùng chị H. Giao cả hai con chung là Vũ Quỳnh A và Vũ Hà M cho chị Hoa tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật; về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự tạm thời không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn đối với anh Vũ Văn Q có địa chỉ cư trú tại phường C, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn Q là bị đơn không có yêu cầu phản tố, đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt, chị Hoa vắng mặt và có đơn xin xử vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Hoa và anh Quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn theo luật định. Đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay từ khi bắt đầu sinh sống, anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn vợ chồng chị H anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận cho chị H được ly hôn anh Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Xét điều kiện nuôi con của anh chị thì thấy: Anh chị có 02 con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 hiện tại đang ở cùng chị H và anh Q. Khi ly hôn, chị H đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị H, anh Q thấy rằng: Chị Hoa làm tại trường mầm non Chí Minh anh Quyết là bộ đội nghỉ hưu nhưng anh Q có đề nghị giao con cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, việc giao cả 02 con cho chị H là phù hợp nguyện vọng của anh chị. Cũng đảm bảo điều kiện tốt nhất cho 02 cháu. Chị H có việc làm, thu nhập, có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng 02 con. Chị H được sự hỗ trợ của gia đình trong việc nuôi dưỡng các cháu. Nguyên vọng nuôi dưỡng con chung của chị H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của người làm cha làm mẹ. Do vậy giao cả hai con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi

con chung tròn 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị là phù hợp điều kiện hoàn cảnh của anh chị và phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 đến khi con chung tròn 18 tuổi mới đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung.

2.3]. Về cấp dưỡng: Xét chị H tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị nên cần được chấp nhận.

2.4]. Về quan hệ tài sản, nợ: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình; 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật án phí, lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Văn Q.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Vũ Quỳnh A, sinh ngày 12/12/2015 và Vũ Hà M, sinh ngày 20/8/2018 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị H tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị. Anh Q có quyền và nghĩa vụ gặp gỡ, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không đặt giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, đối trừ với số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu ký hiệu: BLTU/23 Số: 0004071 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Chí Linh;
- UBND phường Chí Minh, tp Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân Anh